BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Năm báo cáo: 2017

Signature Not Verified
Ký bởi: Công Ty Cổ Phần Đường Sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Ký ngày: 14/3/2018 07:18:15

MỤC LỤC

	Trang
I. Thông tin chung	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5. Định hướng phát triển	11
6. Các rủi ro	12
II. Tình hình hoạt động trong năm 2016	**14**
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tổ chức và nhân sự	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	27
4. Tình hình tài chính	27
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	28
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	29
III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc	**32**
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	32
2. Tình hình tài chính	33
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	34
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	35
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	36
IV. Báo cáo của Hội đồng quản trị	**36**
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội	36
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	37
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	37
V. Báo cáo quản trị Công ty	**38**
1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	38
2. Ban kiểm soát	39
VI. Báo cáo tài chính	**41**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/01/2016
- Vốn điều lệ: 15.775.000.000đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.775.000.000đồng
- Địa chỉ: 196 Hải Phòng, P.Tân Chính, Q.Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Số điện thoại: 0511.3821785
- Số fax: 0511.3893082
- *Website*: quanlyduongsatqndn@vnn.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): DNR

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Trước năm thành lập: Là Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng thực hiện công tác quản lý bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt thuộc nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế. Năm thành lập: Từ Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động theo nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế được chuyển thành doanh nghiệp hoạt động công ích theo Quyết định số: 878/1998/QĐ-TCCB-LĐ ngày 17/4/1998.

- Ngày 20/3/2003 Bộ giao thông vận tải Chuyển đổi thành Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số: 734/2003/QĐ-BGTVT.

- Ngày 29/6/2010 Hội đồng quản trị Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã có quyết định chuyển đổi Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng thành Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng theo Quyết định số: 712/QĐ-ĐS.

- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng có Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 9.574.902.070 đồng (Chín tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, chín trăm linh hai nghìn, không trăm bảy mươi đồng). Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 03/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 09/09/2013.

- Đến ngày 08/01/2015, Bộ giao thông vận tải có quyết định số:64/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa.

- Trên cơ sở đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa, hình thức cổ phần hóa và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt theo Quyết định số 2351/QĐ-BGTVT ngày 30/6/2015, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng khi cổ phần hóa là: 15.775.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng*). Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0400259705 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/01/2016.

- Ngày 24/6/2016 là ngày giao dịch đầu tiên của Công ty CP Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng trên thị trường UPCoM.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
2.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường sắt. Xây dựng công trình đường bộ. Quản lý, bảo trì, sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia.	4210(chính)
3.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp vận tải đường sắt, đường bộ Chi tiết: Tổ chức ứng phó thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông	5221
5.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch	5510
6.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu	4669
7.	Kiểm tra phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu	7120
8.	Xây dựng công trình công ích	4220
9.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690
10.	Hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn đầu tư xây dựng; tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công công trình giao thông, dân dụng.	7110
11.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thàng, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không hoạt động tại trụ sở chính)	2395
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất cầu kiện kim loại, kết cấu thép (không hoạt động tại trụ sở chính)	2511
15.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khoáng sản, kim loại (không hoạt động tại trụ sở chính)	2399
16.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	4752

* Địa bàn kinh doanh: hoạt động chủ yếu ở tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban giám đốc.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

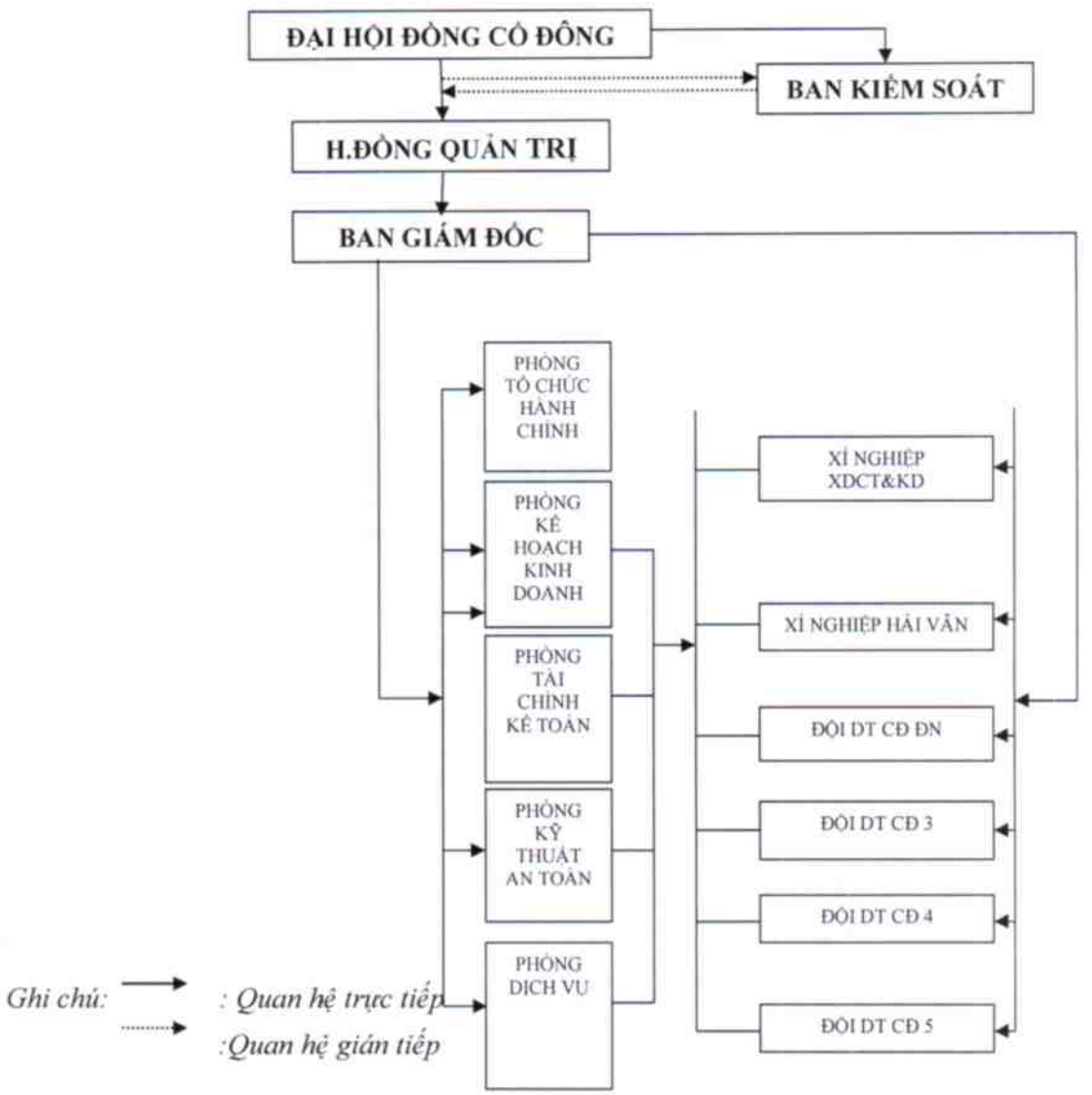

* Bộ máy quản lý của Công ty như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông**: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:

Báo cáo tài chính hàng năm; Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty; Thông qua số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; Thông qua loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; … và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị**: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người . Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo nguyên tắc bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín.

- **Ban Kiểm soát**: Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

- **Ban điều hành:**

+ Giám đốc: Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

+ Các Phó Giám đốc: Giúp việc cho Giám đốc trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện từng lĩnh vực quản lý Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc được ủy quyền.

+ Kế toán trưởng: Giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực tài chính- kế toán của Công ty theo

sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

- Các phòng, ban chức năng:

➢ **Phòng Kỹ thuật – An toàn**

- Chức năng

- Chịu trách nhiệm về công tác quản lý kỹ thuật, giám sát an toàn chạy tàu, quản lý đất đai trong phạm vi công ty;
- Xây dựng, phổ biến, kiểm tra thực hiện quy trình quy phạm kỹ thuật;
- Lập phương án, thiết kế sửa chữa, gia cố các công trình dọc tuyến;
- Tham mưu cho giám đốc về công tác đảm bảo ATCT, KHKT, PCBL;
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý phạm vi bảo vệ công trình Đường sắt, hành lang ATGTĐS, giám sát an toàn chạy tàu.

- Nhiệm vụ

- Kiểm tra thường xuyên định kỳ, đột xuất trạng thái cầu đường phát hiện kịp thời những biến dạng uy hiếp đến ATCT, tham mưu cho Giám đốc biện pháp xử lý khắc phục để đảm bảo ATCT.
- Tham gia vào công tác điều tra, nghiệm thu SCTX, chỉ đạo thực hiện KHSX
- Lập phương án thi công, biện pháp đảm bảo an toàn cho công tác thi công các công trình.
- Chỉ đạo kỹ thuật, giám sát chất lượng. Nghiệm thu các công trình sửa chữa thường xuyên, khẩn cấp, sửa chữa lớn cầu, đường, ghi.
- Kiểm tra việc thực hiện QTQP của các chức danh tuần gác, các địa điểm thi công trên tuyến.
- Tổ chức hướng dẫn đo đạc, kiểm nghiệm, định lượng các công trình để chủ động trong việc lập hồ sơ hoàn công công trình .
- Hàng quý tổ chức phúc tra để đánh giá trạng thái cầu, đường, ghi và các mặt quản lý khác của các cung cầu, đường, chắn trong công ty.
- Quản lý hồ sơ, lý lịch các công trình cầu, đường, kiến trúc, đất đai trên tuyến
- Lập báo cáo định kỳ về công tác quản lý kỹ thuật.
- Thường trực tổ chức hội nghị ATCT, PCBL, chống xóc lắc của công ty.
- Theo dõi phạm vi bảo vệ Đường sắt và hành lang ATGT đường sắt được quy định trong Luật đường sắt, Nghị định 39/CP và các thông tư nghị định, văn bản khác hướng dẫn về ATGT đường sắt.
- Đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị kiểm tra, theo dõi phát hiện, ngăn chặn kịp thời những vi phạm đe doạ đến an toàn các công trình giao thông đường sắt.

- Quan hệ với chính quyền địa phương huyện, quận, xã, phường... phối hợp tuyên tuyền đến toàn dân nâng cao ý thức bảo vệ hành lang ATGT đường sắt, ý thức chấp hành luật lệ ATGT đường sắt.
- Tham mưu cho lãnh đạo soạn văn bản báo cáo định kỳ, đột xuất với địa phương, với ngành về công tác ATGT đường sắt.
- Phối hợp với chính quyền địa phương huyện, quận, xã, phường... các lực lượng chức năng khác tuyên truyền, giải toả, xử lý những vi phạm hành lang ATGT đường sắt

➢ **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

– **Chức năng**

- Tổ chức, quản lý, điều hành thực hiện công tác kế hoạch phục vụ SXKD của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác quản lý vật tư, máy móc thiết bị của công ty.

– **Nhiệm vụ**

- Lập kế hoạch SXKD kế hoạch tác nghiệp kỹ thuật tháng, quý, năm , công tác vật tư , tham mưu cho giám đốc về chiến lược SXKD của Công ty .
- Kết hợp với các đơn vị , các phòng chức năng để thanh toán SCTX tháng, quý, năm và thực hiện nhiệm vụ chung của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty ký kết các hợp đồng kinh tế về kế hoạch sản xuất , kế hoạch mua sắm vật tư , thiết bị .
- Tham mưu cho giám đốc Công ty về thanh quyết toán các công trình .
- Tham mưu cho giám đốc Công ty thanh lý các hợp đồng kinh tế về xây lắp và mua sắm vật tư , thiết bị .
- Lập các dự án về mua sắm vật tư , thiết bị , dự án xây dựng các công trình .
- Tham gia xây dung định mức lao động nội bộ công ty.
- Xây dựng nội qui, qui chế về quản lý sử dụng vật tư, thiết bị máy móc trong công ty.
- Phân tích đánh giá báo cáo kết quả về công tác quản lý vật tư thiết bị.
- Đề xuất các phương án nghiên cứu khoa học kỹ thuật cải tiến đổi mới thiết bị.
- Phát hiện đề nghị điều chỉnh hoặc đình chỉ những hoạt động kỹ thuật trái với qui định để phù hợp với tình hình sản xuất của đơn vị.
- Mua sắm, cấp phát vật tư kịp thời cho công tác SCTX và các công trình.
- Quan hệ mật thiết các phòng nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất của công ty để thống nhất số liệu, giải quyết tốt những vẫn đề về chuyên môn nghiệp vụ.
- Ngoài ra trực tiếp tham gia mua sắm một số vật tư quan trọng và máy móc thiết bị của công ty.

- Kiểm soát xuất nhập hàng hoá vật tư sáp xếp hàng hoá trong công ty, tổ chức bốc xếp, vận chuyển vật tư trong nội bộ công ty.
- Tham gia xây dựng, sửa đổi định mức lao động phù hợp với thực tế của công ty

➢ **Phòng Tổ chức Hành chính**

– **Chức năng**

- Tham mưu cho Giám đốc về công tác Tổ chức - Cán bộ - Lao động, công tác bảo vệ an ninh trật tự và công tác bảo vệ vật tư, thiết bị đường sắt ở các đơn vị.
- Tham mưu cho Giám đốc về công tác hành chính, quản trị thi đua khen thưởng, quân sự tự vệ và quản lý nhà ở tập thể, nhà làm việc của công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc công ty về công tác quản lý Y tế và chăm sóc sức khoẻ cho CBCNV.

– **Nhiệm vụ**

- Chủ trì nghiên cứu đề xuất và chỉ đạo tổ chức thực hiện các công việc được phân công trên cơ sở các quy định của nhà nước của ngành, gồm các việc
- Xây dựng cơ cấu và tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng cơ cấu lao động, định biên của các đơn vị, bộ phận.
- Tổ chức việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý lao động
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch BHLĐ và các kế hoạch khác theo quy định.
- Xây dựng nội qui, qui chế phương án làm việc và biện pháp thực hiện.
- Tham mưu cho lãnh đạo về quản lý nhân lực bố trí đủ, đúng cán bộ, nhân lực cho các phòng, các đội sản xuất thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thường trực Hội đồng xây dựng định mức lao động nội bộ của Công ty.
- Triển khai hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chủ trương chính sách của nhà nước và của ngành về công tác Tổ chức - Cán bộ - Lao động đến toàn thể CBCNV.
- Quan hệ mật thiết với các phòng ban nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất của doanh nghiệp để thống nhất về số liệu giải quyết tốt những vấn đề về nghiệp vụ chuyên môn.
- Xây dựng kế hoạch công tác bảo vệ an ninh trật tự hàng năm.
- Quan hệ các đơn vị địa phương để thực hiện tốt công tác bảo vệ đường sắt.
- Quản lý nghiệp vụ Hành chính, tham mưu và tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng, quân sự tự vệ.
- Tham mưu đề xuất và tổ chức thực hiện công tác Lễ nghi, khánh tiết.
- Thường xuyên kiểm tra giám sát tổ, nhóm, cán bộ công nhân viên làm việc hàng ngày, đôn đốc, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời.

- Tổ chức thực hiện công tác hành chính, văn thư lưu trữ theo quy định.
- Lập kế hoạch tổ chức công tác phục vụ đời sống và mua sắm thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm.
- Phối hợp với các phòng ban tham mưu giúp Giám đốc tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt hiệu quả.
- Tăng cường kiểm tra các phương tiện BHLĐ, môi trường và điều kiện làm việc, lao động để giảm bớt tối thiểu về TNLĐ. Đề xuất các biện pháp phòng và khống chế bệnh nghề nghiệp.
- Thường trực cấp cứu các trường hợp bị tai nạn do bệnh tật, lao động.
- Quản lý sức khoẻ theo đúng đối tượng cùng với y tế tuyến trên khám sức khoẻ định kỳ hằng năm, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám tuyển dụng lao động. Lập hồ sơ quản lý sức khoẻ CBCNV.
- Quản lý hồ sơ y tế.
- Quản lý dược và tài sản Công ty trang bị cho phòng
- Quản lý các chức danh thuộc phòng quản lý.

➢ **Phòng Tài chính Kế toán**

– **Chức năng**

- Quản lý tài chính của công ty : Quản lý vốn và Quản lý TSCĐ.
- Thống kê hạch toán kinh tế của công ty.

– **Nhiệm vụ**

- Hướng dẫn, đôn đốc; kiểm tra và thu nhập đầy đủ, kịp thời tất cả chứng từ kế toán của công ty.
- Tổ chức mọi công việc kế toán để thực hiện đầy đủ, có chất lượng mọi nội dung công việc kế toán của công ty.
- Giúp giám đốc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và phân tích mọi hoạt động tài chính của công ty. Kiểm tra kế hoạch thu chi để phát hiện và ngăn ngừa kịp thời những hành động vi phạm chế độ tài chính của nhà nước.
- Tham mưu cho lãnh đạo công ty công tác thu hồi vốn của các công trình trong và ngoài sản xuất chính.
- Ngoài ra còn phải tham gia công tác kiểm kê TSCĐ và tổ chức bảo quản lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo qui định.

➢ **Phòng Dịch vụ**

– **Chức năng**

Chịu trách nhiệm về công tác quản lý các loại hình kinh doanh, dịch vụ, thương mại của Công ty như sau: Sân Tennis, sân cầu lông, bống bàn các nhà khách, nhà nghỉ, các ki ốt, tạp hóa, vật liệu xây dựng, nhà hàng.....

– **Nhiệm vụ**

- Xây dựng phương án, kế hoạch kinh doanh dịch vụ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- Phối hợp với các phòng ban xây dựng quy chế của công ty quản lý kinh doanh dịch vụ.
- Tổ chức thực hiện phương án kinh doanh dịch vụ theo kế hoạch đã được Công ty phê duyệt.
- Thực hiện các quy định về công tác quản lý tài chính, tổ chức nhân sự, kế hoạch, vật tư, máy móc thiết bị… theo pháp luật hiện hành và quy chế của Công ty.
- Sử dụng có hiệu quả các máy móc thiết bị

5. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu, không để tai nạn trở ngại chậm tàu do chủ quan gây ra.

+ Hoàn thành kế hoạch sửa chữa thường xuyên, sửa chữa khẩn cấp đảm bảo an toàn.

+ Tiếp tục duy trì áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

+ Giữ vững và nâng cao chất lượng duy tu, bảo quản cầu đường.

+ Thi công các công trình ngoài

+ Đảm bảo an toàn lao động, không để xảy ra tai nạn lao động chết người.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

+ Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế, nhà máy, khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn…; phấn đấu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải bánh sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn;

+ Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Mục tiêu đối với môi trường: Phát triển bền vững, nhằm đảm bảo giữ cân bằng giữa phát

triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường. Áp dụng các công nghệ sạch, công nghệ ít phế thải, tiêu hao ít phế thải, tiêu hao ít nguyên liệu bằng các trang bị, đầu tư các các thiết bị công nghệ mới, công nghệ tiên tiến.

+ Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng: Tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, góp phần tham gia vào sự phát triển của địa phương.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro kinh tế *:*

Tăng trưởng kinh tế thế giới 2017 cao hơn năm 2016. Chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn tiếp tục xu hướng thắt chặt làm cho lãi suất tăng dần, từ đó làm giảm nguồn cung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Cùng với giá hàng hóa thế giới năm 2017 tăng chủ yếu do tăng giá năng lượng và giá kim loại là những yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến các ngành thép và dầu khí được xem là đầu vào của ngành vận tải đường sắt trên Thế giới và Việt Nam.

Theo đó, năm 2017, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của Việt Nam tăng 6,81% so với năm 2016 nhờ sự cải thiện ở cả tổng cung của nền kinh tế. Lạm phát vẫn được giữ ở mức thấp, tăng 1,41% so với năm 2016 cùng với mặt bằng lãi suất giảm nhẹ là những yếu tố làm tăng giá hàng hóa nước ngoài trong đó có giá thép, và giá năng lượng khi doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu nhập khẩu những hàng hóa này, làm tăng chi phí đầu vào cho ngành xây dựng và vận tải của Việt Nam. Vì vậy, với ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh vận tải đường sắt, xây dựng, sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ không thể tránh khỏi tác động của các yếu tố kinh tế thay đổi này.

- Tình hình chung ngành đường sắt năm 2017:

Năm 2017 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam. Đó là hạn chế về năng lực nội lực; áp lực cạnh tranh ngày càng tăng với các phương tiện khác, bão lũ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hạ tầng. Trong khi đó, vốn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt năm qua rất hạn hẹp, không có dự án mới triển khai vì vậy chưa có sự đột phá về chất lượng, năng lực kết cấu hạ tầng đường sắt, công việc của các công ty cổ phần xây lắp tiếp tục khó khăn. Tuy nhiên, sau những nỗ lực đổi mới, vận tải đường sắt đã có sự khởi sắc. Sản lượng, doanh thu toàn Tổng công ty bước đầu hồi phục đà tăng trưởng, chặn được đà sụt giảm thị phần vận tải đường sắt. Đã đóng mới, đưa vào vận dụng 6 ram tàu khách thế hệ mới, ứng dụng nhiều công nghệ hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường, chất lượng đảm bảo. Công tác an ninh – an toàn giao thông đường sắt bước đầu kiểm soát được những tiềm ẩn nguy cơ đe dọa an toàn chạy tàu, an toàn giao thông đường sắt giảm cả 3 tiêu chí so với năm 2016

- Rủi ro đặc thù ngành đường sắt:

Đặc thù của hoạt động quản lý, bảo trì đường sắt Quốc gia là một trong những lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm, điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công vừa chạy tàu. Do đó sản phẩm phải làm đi làm lại nhiều lần, ảnh hưởng đến năng suất lao động, đồng thời có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.

Bên cạnh đó, để phát triển ngành Đường sắt đòi hỏi phải tốn nhiều chi phí và nguồn vốn lớn như chi phí khấu hao, nguồn vốn tín dụng, vốn ODA (vốn hỗ trợ phát triển chính thức của nước ngoài) để đầu tư, cải tạo cầu đường sắt, phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống máy móc, đầu máy, phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhìn chung các nguồn vốn này đều thấp hơn so với nhu cầu chi dùng và phát triển của Đường sắt Việt Nam, hiện chưa khắc phục tình trạng lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật của đường sắt để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm phát triển bền vững ngành Đường sắt Việt Nam.

Áp lực từ khách hàng: Dù có nhu cầu về kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau nhưng sử dụng dịch vụ vận tải đường sắt đã khá quen thuộc với người dân Việt Nam khi có nhu cầu vận chuyển hay đi lại ở cự ly trung bình và dài. Đó là điều kiện hết sức thuận lợi cho sự tăng trưởng của ngành đường sắt, nhưng nó cũng đòi hỏi ngành đường sắt khi thực hiện dịch vụ vận tải phải đáp ứng nhu cầu hiện đại về an toàn, môi trường, tốc độ, chất lượng và giá cả từ phía khách hàng.

Áp lực từ sản phẩm thay thế: Trong thời điểm hiện nay, các ngành hàng không, đường bộ ngày càng phát triển, chất lượng dịch vụ ngày càng cao dễ dàng thay thế ngành đường sắt vì hạ tầng quá lâu đời, chất lượng tàu và công nghệ lạc hậu. Hơn nữa, vận tải đường sắt kém linh hoạt hơn vận tải đường bộ, tàu hỏa không thể cung cấp dịch vụ đến một địa điểm bất kỳ và chỉ có thể vận chuyển hành khách, hàng hóa từ ga đến ga, theo lịch trình cố định. Vì vậy chi phí vận chuyển cũng tương đối cao hơn so với vận tải bằng đường bộ.

Áp lực từ đối thủ cạnh tranh: với cơ chế đấu thầu nhằm tạo tính công khai, minh bạch, góp phần khắc phục những khó khăn cho ngân sách nhà nước và nguồn lực đầu tư eo hẹp cho các dự án phát triển hạ tầng đường sắt quốc gia, đã tạo ra thách thức đối với Công ty trong việc cạnh tranh với các công ty tư nhân khác trong ngành, Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng thị phần, cũng như khẳng định được vị thế của Công ty trong ngành. Đây được xem là động lực thúc đẩy Công ty không ngừng nỗ lực hoàn thành các công trình hạ tầng đường sắt có chất lượng tốt.

Tình hình người dân sống dọc hai bên đường sắt lấn chiếm, tái lấn chiếm, xây dựng các công trình, chăn thả gia súc trong hành lang an toàn giao thông đường sắt, làm ảnh hưởng đến công tác an toàn chạy tàu. Tình hình vi phạm quy định khi tham gia giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường sắt và đường bộ của người dân đã ảnh hưởng đến công tác của nhân viên đường sắt đang thi hành nhiệm vụ, tiềm ẩn nguy cơ tai nạn chạy tàu.

- Rủi ro giá nguyên vật liệu:

Đối với ngành xây dựng, thi công, sửa chữa đường sắt, vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty hoạt động trong ngành này. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của công ty, trong khi giá cả dịch vụ công không thể điều chỉnh tăng tương ứng. Công ty khó có thể xoay sở kịp với sự tăng giảm thất thường của giá nguyên liệu đầu vào, đồng thời cũng không thể điều chỉnh

ngay lập tức giá bán sản phẩm khi chi phí đầu vào tăng lên vì mục tiêu đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Từ đó ảnh hưởng lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

- Rủi ro luật pháp:

Được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Công ty chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam trong đó chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và Luật Đường sắt cùng các thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi đôi khi chưa đạt hiệu quả cao. Do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

- Rủi ro khác:

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh… là những rủi ro bất khả kháng. Mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu bằng cách thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết, đề ra cách phòng tránh thiên tai, cháy nổ để ứng phó kịp thời với những trường hợp bất khả kháng, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm '2017/Năm 2016 (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	114.689	99,35%	111.993	99,16%	97,65%
Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác	746	0,65%	947	0,84%	126,94%
Tổng cộng	**115.435**	**100,00%**	**112.940**	**100,00%**	**97,84%**

Nhìn chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có sự thay đổi so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 111,99 tỷ đồng giảm 2,16% so với cùng kỳ năm 2016. Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập hoạt động khác tăng 26,94% so với năm 2016 đạt 946,6 triệu đồng. Nhìn chung, doanh thu trong năm 2017 không đạt kế hoạch đề ra, nhưng vẫn giữ được mức ổn định. Với tỷ lệ sở hữu Công ty là 51%, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giảm kế hoạch chung ngành giao thông đã ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty trong năm 2017.

Mặc dù, giá vốn đầu vào cao chiếm khoảng 86,16% doanh thu thuần qua các năm, nhưng với chính sách ổn định nguyên liệu đầu vào bởi nguồn vật tư do Công ty tự gia công, sản xuất cung cấp để phục vụ cho nhiệm vụ đảm bảo trạng thái kỹ thuật của cầu đường và an toàn giao thông

đường sắt, Công ty còn xây dựng các mối quan hê tốt với các nhà cung ứng, hợp đồng với các nhà cung ứng thông qua chào hàng cạnh tranh rộng rãi theo quy định của Pháp luật, gồm: Công ty cổ phần đá Chu Lai, Công ty cổ phần cơ khí đường sắt Đà Nẵng, Công ty cổ phần đá Hoàng Mai, Công ty TNHH MTV vật tư Đường sắt Đà Nẵng, Công ty TNHH vật tư Đường sắt Nghệ Tĩnh...Vì vậy, giá vốn hàng bán được duy trì ổn định (giảm khoảng 3,86% so với năm trước), nằm trong sự kiểm soát và dự tính của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Điều hành
1	**Ông Nguyễn Văn Tý**	Chủ tịch HĐQT	Không
2	**Ông Nguyễn Xuân Bình**	Thành viên HĐQT – Giám đốc	Có
3	**Ông Huỳnh Văn Sơn**	Thành viên HĐQT- Phó GĐ	Có

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông: Nguyễn Văn Tý	Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị
Giới tính:	Nam
Ngày sinh	03/07/1960
Số CMND	201358848 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 24/2/2011
Nơi sinh	Khánh Lợi - Tam Điệp - Hà Nam Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	12-14 Nguyễn Thái Bình, TP ĐN
Số điện thoại liên lạc	0913404632
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường sắt
Quá trình công tác:	
- Từ T5/1987-T11/1997	Kỹ thuật viên - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T12/1997- T8/1998	Phó phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/1998-T5/2001	Phó Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

- Từ T6/2001 - T10/2002	Quyền Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ 11/2002 - T 7/2003	Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T12/2010	Giám Đốc Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Chủ Tịch Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Chủ Tịch Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	16.320 CP (chiếm 1,03% VĐL)
Số cổ phần đại diện sở hữu nhà nước	402.263 CP (đại diện 50% phần vốn của TCT Đường sắt Việt Nam, chiếm 25,50% Vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

Ông: Nguyễn Xuân Bình	**Chức vụ: Thành viên HĐQT**
Giới tính	Nam
Ngày sinh	30/12/1958
Số CMND	201372310 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 14/4/2011
Nơi sinh	An Khê - Thành phố Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	194B Hải Phòng- Phường Tân Chính - Quận Thanh Khê - Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913404950
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cầu hầm
Quá trình công tác:	

- Từ T3/1981 - T12/1989	Kỹ thuật viên
- Từ T1/1990- T10/2002	Đội trưởng
- Từ T11/2002- T7/2003	Phó Giám Đốc Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003- T12/201007/2009 - 12/2011	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 – T12/2015	Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Thành viên HĐQT ,Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	16.793CP chiếm 1,06% VĐL
Số cổ phần đại diệnvốn nhà nước	402.262 CP (đại diện 50% phần vốn của TCT Đường sắt Việt Nam , chiếm 25,50% Vốn điều lệ)
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần:	

Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Đỗ Thị Nụ	Vợ	200877715	2.480 cổ phần tương ứng 0,16% / VĐL

Ông: Huỳnh Văn Sơn	**Chức vụ: Thành viên HĐQT- kiêm PGĐ**
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/11/1962
Số CMND	200084911 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 15/3/2015
Nơi sinh	Hải Châu 2 - Thành phố Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	K572/136 Ông Ích Khiêm - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913403957

Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư đường sắt
Quá trình công tác:	
- Từ T5/1982 - t10/1992	Kỹ thuật viên
- Từ T11/1992 - T3/2000	Cán sự phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2000 - T7/2003	Phân đoạn phó - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T11/2005	Phân đoạn phó - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T12/2005 - T12/2010	Phó Giám Đốc Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT , Phó Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	12.022 CP (chiếm 0,76% VĐL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Thù lao HĐQT do ĐHCĐ thông qua
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

2.2. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	**Nguyễn Xuân Bình**	Giám Đốc
2	**Huỳnh Văn Sơn**	Phó Giám đốc
3	**Kiều Thường**	Phó Giám đốc
4	**Huỳnh Văn Việt**	Phó Giám đốc
5	**Phan Thị Lan Hương**	Kế toán trưởng

Lý lịch Ban điều hành

Ông: Nguyễn Xuân Bình	**Chức vụ: Giám đốc**
Thông tin đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị	

Ông: Huỳnh Văn Sơn	**Chức vụ: Phó Giám đốc**
Thông tin đã trình bày ở mục Hội đồng quản trị	

Ông Kiều Thường	**Chức vụ: Phó Giám đốc**
Ngày sinh	12/02/1961
Số CMND	201030640 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 20/10/2007
Nơi sinh	Điện Nam - Điện Bàn - Quảng Nam - Đà Nẵng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	H27/K72/02 Đinh Tiên Hoàng - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0914169417
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng cầu đường
Quá trình công tác:	
- Từ T8/1979- T8/1982	Công nhân - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/1982 - T4/1986	Bộ đội trung đoàn 94
- Từ T5/1986 - T2/2001	Công nhân - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T3/2001 - T7/2003	Kỹ thuật viên phòng Kỹ Thuật - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T8/2004	Kỹ thuật viên phòng Kỹ Thuật - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/2004 - T12/2010	Phó phòng Kỹ thuật
- Từ T1/2011 - T3/2011	Phân đoạn trưởng Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	12.706CP (chiếm 0,81% VĐL)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

Ông Huỳnh Văn Việt	**Chức vụ: Phó Giám đốc**
Giới tính	Nam
Ngày sinh	09/10/1962
Số CMND	200997091 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 11/01/2011
Nơi sinh	Thị xã Đông Hà
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	180/18 Ông Ích Khiêm - Phường Tam Thuận - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913407308
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế xây dựng
Quá trình công tác:	
- Từ T8/1981 - T6/1987	Thợ điện Xí Nghiệp Đầu Máy
- Từ T7/1987 - T12/1989	Hợp tác lao động nhà máy xe lửa - Bungari
- Từ T1/1990 - T1/2000	Thợ điện ga Đà Nẵng
- Từ T2/2000 - T3/2001	Nhân viên phòng Vật tư - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2001 - T7/2003	Phó phòng Vật tư - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T5/2009	Phó phòng Vật tư - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2009 - T12/2010	Giám Đốc - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T12/2015	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Quản lý

	Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Phó Giám Đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	14.502CP (chiếm 0,92% VĐL)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

Bà Phan Thị Lan Hương	**Chức vụ: Kế toán trưởng**
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	20/12/1976
Số CMND	201245946 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 17/7/2012
Nơi sinh	Tam Phú - Tam Kỳ - Quảng Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	162/6A Đống Đa - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0905337911
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T1/1999 - T5/2002	Kế toán viên - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2002 - T7/2003	Chuyên viên tiền lương - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T10/2007	Chuyên viên tiền lương - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T11/2007 - T11/2008	Kế toán viên
- Từ T12/2008 - T12/2010	Phó phòng kế toán
- Từ T1/2011 - T6/2013	Phó phòng kế toán - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

- Từ T7/2013 - T12/2015	Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	5.716CP (chiếm 0,36% VĐL)
Số cổ phần đại diện	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

2.3. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	**Bà Nguyễn Thị Thu Hương**	**Trưởng ban kiểm soát**
2	**Bà Võ Thị Hồng Linh**	Thành viên ban kiểm soát
3	**Ông Đỗ Quốc Khánh**	Thành viên ban kiểm soát

Lý lịch Ban kiểm soát:

Bà: Nguyễn Thị Thu Hương	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	30/9/1975
Số CMND	201274003 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 18/9/2007
Nơi sinh	Hải Phòng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Số 77/26D Lê Độ - Phường Tân Chính - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0915852987
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	

- Từ T10/1996 - T7/2003	Thống kê - Xí nghiệp Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T8/2003 - T12/2005	Thống kê - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2006 - T12/2010	Phó phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2011 - T5/2012	Phó phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T6/2012 - T12/2015	Kiểm soát viên - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 đến nay	Trưởng ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	3.316CP (chiếm 0,21% VĐL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	

Họ tên	Mối quan hệ	Số CMT	Số cổ phần sở hữu
Phạm Trung Kiên	Chồng	201615005	1.520 cổ phần tương ứng 0,10% / VĐL

Bà Võ Thị Hồng Linh	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính	Nữ
Ngày sinh	23/01/1974
Số CMND	201338948 Công an Đà Nẵng cấp ngày 23/02/2012
Nơi sinh	Bắc Thái, Thái Nguyên
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

Địa chỉ thường trú	180/12 Ông Ích Khiêm, P.Tam Thuận, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0912400545
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ T11/1995 - T3/2002	Chuyên viên phòng Kế hoạch vật tư - Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng
- Từ T3/2002 - T12/2015	Chuyên viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T1/2016 - T9/2017	Chuyên viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T9/2017 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	1.520 CP (chiếm 0,10% VĐL)
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không
Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không
Ông : Đỗ Quốc Khánh	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/9/1960
Số CMND	201646325 do Công an Đà Nẵng cấp ngày 19/3/2009
Nơi sinh	Bệnh viện 108 Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh

Địa chỉ thường trú	Số 6 Đường Bầu Hạc 5 - Phường Vĩnh Trung - Quận Thanh Khê - Đà Nẵng
Số điện thoại liên lạc	0913459889
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế vận tải đường sắt
Quá trình công tác:	
- Từ T5/1985 - T3/1987	Tập sự trực ban chạy tàu Ga Đà Nẵng
- Từ T4/1987 - T12/1989	Trực ban chạy tàu Ga Đà Nẵng
- Từ T1/1990 - T3/1993	Nhân viên Kế hoạch vật tư Ga Đà Nẵng
- Từ 4/1993 – T12/1997	Phó phòng Kế hoạch Ga Đà Nẵng
- Từ T11/1998 - T9/2003	Phó phòng Kế hoạch vật tư
- Từ T10/2003- T12/2012	Chuyên viên văn phòng đại diện Tổng công ty ĐSVN
- Từ T1/2013- T12/2015	Chuyên viên Tổng công ty ĐSVN - Hà Nội
- Từ 27/12/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng
- Từ 1/1/2016- 31/1/2016	Chuyên viên Phòng Tổng hợp - Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ - Công ty TNHH MTV Quản lý Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng,
- Từ T2/2016- T3/2016	Chuyên viên Phòng Dịch Vụ - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ T4/2016 đến nay	Phó phòng Dịch Vụ - Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát Phó phòng kinh doanh dịch vụ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân	0 CP
Số cổ phần đại diện vốn nhà nước	0 CP
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
Những khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan tới Công ty	Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần	Không

2.4. Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành:

Năm 2017, có thay đổi nhân sự trong Ban kiểm soát Công ty như sau:

Theo Nghị quyết số 21-17/NQ-HĐQT ngày 03/10/2017 của Hội đồng quản trị về việc phê chuẩn lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức danh kiểm soát viên nhiệm kỳ 2016-2021 đối với bà Ngô Kim Thủy và bầu bổ sung kiểm soát viên nhiệm kỳ 2017-2021 đối với bà Võ Thị Hồng Linh.

2.5. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

* Số lượng CBCNV trong công ty (đến ngày 31/12/2017):

STT	Tính chất phân loại	Số lượng *(người)*	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**588**	
1	Trên đại học		
2	Đại học	48	8,16%
3	Cao đẳng		
4	Trung cấp	8	1,36%
5	CNKT	532	90,48%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**588**	
1	Hợp đồng có xác định thời hạn		
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	588	100,00%
3	Hợp đồng theo thời vụ		
C	**Theo giới tính**	**588**	
1	Nam	406	69,05%
2	Nữ	182	30,95%

* Chính sách đối với người lao động: gồm chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, ...:

Công ty luôn đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, thực hiện chính sách thu hút lao động. Xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ phục vụ cho công tác quản lý lao động.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; xây dựng chính sách lương, thưởng dựa trên năng suất, chất

lượng và hiệu quả công việc của người lao động, đảm bảo cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc. Công ty thực hiện chế độ khen thưởng theo quy chế khen thưởng của Công ty, của ngành, của Nhà nước.

Đồng thời, Công ty luôn chăm lo phúc lợi xã hội khác cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, du lịch; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao… để nâng cao đời sống tinh thần; tham gia chương trình phúc lợi xã hội khác...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2017, Công ty đầu tư thực hiện mua mới một số TSCĐ phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh như sau:

- Máy photocopy Toshiba studio 856 (01 cái), giá trị: 37.727.274,đồng
- Máy in Laser HP FNT 700 (06 cái); tổng giá trị: 223.800.000,đồng
- Máy tính xách tay Dell (02 cái); tổng giá trị: 70.109.090,đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	78.160.584.014	57.418.636.579	73,46%
Doanh thu thuần	114.689.181.831	111.993.193.682	97,65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.185.049.456	2.379.903.561	108,92%
Lợi nhuận khác	20.946.447	190.241.754	908,23%
Lợi nhuận trước thuế	2.205.995.903	2.570.145.315	116,51%
Lợi nhuận sau thuế	1.720.513.032	1.812.927.908	105,37%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	809	877	108,41%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,63	1,39

(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)			
+ Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	lần	1,12	1,03
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	77,62	69,07
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	346,75	223,30
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	4,12	5,78
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,47	1,95
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,50	1,62
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,83	10,21
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,20	3,16
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,91	2,13

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phiếu:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 1.577.500 CP
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 0 CP
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 CP
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/CP

5.2. Cơ cấu cổ đông:

* Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty gồm 01 cổ đông:

Tên Cổ đông là: Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, chiếm giữ 51% vốn CP

Địa chỉ: 118 Lê Duẩn, TP Hà Nội.

* Cơ cấu cổ đông:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	**804.525**	**51,00%**		**0**	**804.525**	**51,00%**
2. Cổ đông nội bộ:						
(Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	**82.895**	**5,25%**			**82.895**	**5,25%**
3. Cổ đông trong công ty:	**690.080**	**43,75%**	**0**	**0**	**690.080**	**43,75%**
Cổ phiếu quỹ						
Cán bộ công nhân viên	690.080	43,75%			690.080	43,75%
4. Cổ đông ngoài công ty:	0					
Cá nhân	0					
Tổ chức	0					
Tổng	**1.577.500**	**100%**		**0**	**1.577.500**	**100%**

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam là cổ đông sở hữu cổ phần chi phối (51%) đối với Công ty CP Đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2017 Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư nào của chủ sở hữu.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác: không có đợt phát hành chứng khoán khác thực hiện trong năm.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty chủ yếu là các vật tư chuyên nghành được cung cấp bởi các Công ty trong ngành đường sắt, là các đơn vị được công nhận cung cấp vật tư đường sắt và nhập khẩu được kiểm soát nghiêm ngặt bởi Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty đường sắt Việt Nam và Công ty trước khi đưa vào sử dụng công trình như: ray, ghi, tà vẹt bê tông dự ứng lực, tà vẹt gỗ, đá balats... Còn đối với vật tư đầu vào để công ty sản xuất các cấu kiện bê tông cốt thép, gia công cấu kiện sắt thép, biển báo... như: cát, đá, xi măng, sắt thép, sơn... được mua tại các đơn vị có uy tín và được kiểm nghiệm đầy đủ trước khi đưa vào sản xuất. Vì vậy, quy trình sản xuất các sản phẩm của Công ty được đảm bảo từ đầu vào đến đầu ra.

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Công ty chú trọng công tác kiểm soát định mức sử dụng năng lượng, đánh giá sử dụng năng lượng được thực hiện định kỳ nhằm tìm hiểu nguyên nhân, đưa ra hướng khắc phục nếu việc sử dụng năng lượng có hiện tượng bất thường. Năng lượng công ty sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên khi làm nhiệm vụ chủ yếu gồm: Xăng, dầu diezen, dầu nhờn, điện

Trong đó:

- Xăng: 15.5696 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải,máy thi công đường sắt, goòng.
- Dầu diezen: 72.419 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải,máy thi công đường sắt, goòng, máy thay tà vẹt, máy chèn đường, máy đa năng…
- Dầu nhờn, nhớt các loại: 4.283,3 lít được sử dụng chủ yếu cho việc sử dụng ô tô, xe tải,máy thi công đường sắt, goòng.
- Điện: khoảng 256.473KWh phục vụ sản xuất cho Cơ quan và các đơn vị trong toàn công ty.

6.3. Tiêu thụ nước:

Công ty đã ký hợp đồng mua nước tại các công ty cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng để phục vụ nước sinh hoạt cho các đơn vị trong toàn Công ty, Đối với những khu vực (đặc biệt trên đèo Hải Vân) không có nước sạch Công ty cung cấp thiết bị lọc nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động.

Lượng nước sử dụng trong năm 2017 khoảng: 9.130m3.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn tuân thủ nghiêm pháp luật về bảo vệ môi trường, phổ biến đầy đủ các văn bản pháp luật liên quan bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ công nhân viên, hưởng ứng, thực hiện nhiều chiến dịch bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới 05/6, ngày môi trường đường sắt 5/11 và các chiến dịch khác về bảo vệ môi trường do ngành và nhà nước phát động.

Trong năm 2017, Công ty không để xảy ra các sự cố liên quan đến môi trường hay các trường hợp vi phạm về môi trường dẫn đến bị xử phạt.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

*** Chính sách đào tạo:**

CBCNV của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân.

- Đối với cấp quản lý, Công ty cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước... nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước.

Đối với cán bộ quản lý, Công ty có những chính sách sau:

+ Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn và dài hạn;

+ Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;

+ Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ.

- Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm Công ty có gửi đi đào tạo lại để nắm bắt kỹ thuật mới.

*** Chế độ khen thưởng:**

Chế độ khen thưởng cho CBCNV của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

+ Thưởng cho các đơn vị, cá nhân CBCNV Công ty có thành tích xuất sắc trong năm, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho Công ty;

+ Thưởng các tập thể, cá nhân ngoài ngành đường sắt, ngoài Công ty có nhiều thành tích đóng góp thiết thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Các chế độ bảo hiểm**

+ Mọi CBCNV Công ty đều được đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động.

+ Công ty hoạt động SXKD trong lĩnh vực giao thông đường sắt là chủ yếu, với phạm vi hoạt động trải dài từ đỉnh đèo Hải Vân đến Núi Thành (qua thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam) nhưng Công ty đã bố trí hợp lý cho CBCNV trong Công ty đều có chỗ ở ổn định, tạo điều kiện yên tâm công tác cho CBCNV.

*** Sinh hoạt đoàn thể:**

+ Tại Công ty, các tổ chức như công đoàn, Đảng uỷ và đoàn thanh niên tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật. Các tổ chức này đều trực thuộc các tổ chức đoàn thể Tổng công ty đường sắt Việt Nam, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể CBCNV.

+ Hàng năm, Công ty đều tổ chức các hoạt động thể thao cho CBCNV như: Tổ chức ngày hội thao của Công ty, tổ chức ngày tết Trung thu cho các cháu thiếu nhi, kỷ niệm ngày 8/3, 20/10 cho chị em nữ CNVC Công ty và thực hiện chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức cho một số CBCNV, tổ chức khám bệnh định kỳ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện, nuôi dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng… , cụ thể phụng dưỡng 02 mẹ Việt Nam anh hùng, tham gia với khối sản xuất kinh doanh – Dịch vụ Trung ương đóng trên địa bàn Tỉnh, thành phố xây dựng nhà tình nghĩa; đóng quỹ xã hội ngành đường sắt và ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung và ủng hộ các hoạt động xã hội nhân đạo khác,... qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể CBCNV Công ty với nhau và với xã hội.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Năm 2017		Tỷ lệ %	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH2017/TH2016	TH2017/KH2017
Doanh thu thuần	114.689	120.259	111.993	97,65%	93,13%
Giá vốn hàng bán	100.373	105.065	96.495	96,14%	91,84%
Doanh thu hđ tài chính	71	161	161	225,76%	100,00%
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý DN	12.203	13.280	13.280	108,82%	100,00%
Lợi nhuận từ HĐKD	2.185		2.380	108,92%	
Thu nhập khác	675	785	785	116,39%	100,00%
Chi phí khác	654	595	595	91,02%	100,00%
Lợi nhuận khác	21		190	908,23%	
Lợi nhuận trước thuế	2.206	2.266	2.570	116,51%	113,42%
Lợi nhuận sau thuế	1.720	1.813	1.813	105,40%	100,01%
EPS (đồng/cổ phiếu)	809		877		

Trước những khó khăn mà ngành đường sắt gặp phải trong năm 2017, Công ty cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng cũng chịu tác động đáng kể, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giảm so với năm 2016. Cụ thể, doanh thu thuần đạt khoảng 111,99 tỷ đồng giảm 2,35% so với cùng kỳ năm trước; đây là do trường hợp bất khả kháng vào cuối năm 2017, cơn bão số 15 KaiTak trên Biển Đông theo dự báo bão ngày 13/12/2017 và cơn bão số 16 Tembin trên Biển Đông theo dự báo ngày 25/12/2017 đã ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp và thay ray trong Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS quý 4, năm 2017 (khối lượng và giá trị thay 106 thanh ray P43, L=25m nghiệm thu, thanh toán theo ý kiến chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải và Bộ tài chính phải hoàn thành vào 31/12/2017, được gia hạn đến ngày 31/01/2018), và khối lượng này đã được Công ty hoàn thành trong tháng 01/2018.

Do đặc thù ngành đường sắt, giá vốn đầu vào cao (chiếm hơn 86,16% doanh thu thuần) dẫn

đến biên lợi nhuận không cao. Do đặc thù ngành đường sắt như thế, nhưng với nỗ lực kiểm soát đầu vào, lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh năm đạt mức 2,57 tỷ đồng tăng 16,51% so năm 2016. Mặt khác, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 8,82% đạt khoảng 13,3 tỷ so với năm 2016.

Tuy doanh thu thuần đạt 93,13% so với kế hoạch đặt ra, nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận sau thuế đạt 105,40%, tăng 5,4% so với năm 2016, và đạt 100% so với kế hoạch được giao khoảng 1,81 tỷ đồng. Từ đó cho thấy sự nỗ lực không ngừng trong công tác kiểm soát các chi phí đầu vào, chi phí quản lý, chi phí khác,... của Công ty.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017	TH2017/TH2016
Tài sản ngắn hạn	67.753	48.125	86,68%	83,81%	71,03%
Tài sản dài hạn	10.408	9.294	13,32%	16,19%	89,30%
Tổng tài sản	**78.161**	**57.419**	**100,00%**	**100,00%**	**73,46%**

Trong năm 2017, tình hình tài sản của Công ty có sự thay đổi so với năm trước, cụ thể mức tổng tài sản là 57,42 triệu đồng. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 48,1 triệu đồng giảm 28,97% so với năm trước. Nguyên nhân là do lượng hàng tồn kho của Công ty giảm mạnh 40,61% từ 20,96 tỷ đồng còn khoảng hơn 12,4 tỷ đồng so với năm 2016. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn giảm một phần là do lượng tiền và tương đương tiền giảm 90,70% so với năm 2016.

- Tài sản dài hạn chủ yếu là phần giá trị các tài sản cố định hữu hình, cụ thể như sau:

(ĐVT: đồng)

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
1. Nhà cửa, VKT	8.925.765.268	2.714.320.280	30,41%
2. MMTB	7.454.851.996	2.411.744.948	32,35%
3. Phương tiện VT	5.812.443.159	940.244.783	16,18%
4. Thiết bị d.cụ QL	430.254.546	321.148.475	74,64%
Cộng	**22.623.314.969**	**6.387.458.486**	**28,23%**

Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	325.825.000	293.188.739	89,98%
Cộng	**325.825.000**	**293.188.739**	**89,98%**

Tài sản dài hạn năm 2017 giảm 10,7% so với năm 2016, đạt 9,3 tỉ đồng. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do Công ty đầu tư xây dựng cơ bản (nhà làm việc CĐ Thanh Khê) trong năm tăng.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ trọng năm 2016	Tỷ trọng năm 2017	TH2017/ TH2016
Nợ ngắn hạn	41.623	34.616	68,61%	87,29%	83,17%
Nợ dài hạn	19.042	5.042	31,39%	12,71%	26,48%
Tổng nợ phải trả	**60.665**	**39.659**	**100,00%**	**100,00%**	**65,37%**

Trong năm 2017, tình hình nợ phải trả có xu hướng giảm so với năm 2016, mức tổng nợ phải trả trong năm 2017 đạt 39,7 tỷ đồng giảm 34,63% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn: đạt 34,62 tỷ đồng giảm 16,83% so với năm trước, tăng tỉ trọng từ 68,61% lên 87,29%.

- Nợ dài hạn: chủ yếu là phần phải trả cho Tổng Công ty đường sắt Việt Nam khoảng hơn 19 tỉ đồng, đã được Công ty chuyển trả còn khoảng 5 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ứng dụng công nghệ mới trong XDCB và bảo dưỡng kết cấu hạ tầng: Sử dụng máy chèn đường của Áo, máy chèn đường của Pháp, máy sàng đá, các máy nâng mối gục, máy siết bu lông, máy thay tà vẹt bê tông...

- Cải tiến công cụ lao động, đưa tỷ lệ sử dụng các máy móc thay thế dần lao động chân tay.

- Áp dụng thành quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê và ứng dụng các phần mềm trong quản lý và trao đổi thông tin.

- Đưa công tác thống kê theo dõi và phân tích để tìm nguyên nhân và nghiên cứu khắc phục các điểm xóc lắc đảm bảo cầu đường êm thuận; an toàn.

- Đưa nhanh các ứng dụng tin học vào công tác quản lý điều hành sản xuất. Khai thác triệt để các phần mềm ứng dụng hiện có, thường xuyên cập nhập phần mềm mới. Đi sâu vào khai thác mạng internet phục vụ cho công việc; trao đổi thông tin qua internet giao ban trực tuyến với 5 điểm cầu trong công ty...

- Đổi mới công tác quản lý, tạo sự thống nhất giữa cầu và đường, kết hợp đánh giá kết quả lao động và thu nhập cá nhân.

- Nâng cao hiệu quả quản lý công tác tuần đường, tuần hầm, tuần cầu, gác chắn đường ngang; đề xuất việc hoàn thiện các quy trình quản lý tuần đường, tuần cầu hầm các quy trình bảo dưỡng cầu, đường, tiêu chuẩn nghiệm thu cầu, đường, ghi phù hợp với kết cấu mới và khả năng khai thác tuyến đường cũng như một số quy trình quản lý các hạng mục kiến trúc khác.

- Công tác quản lý kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, lao động ... phát triển theo hướng cơ chế khoán, kết quả là nâng cao trách nhiệm, năng lực và thế chủ động trong quá trình sản xuất của các đơn vị cấp dưới, phát huy hiệu quả đầu tư nâng cao chất lượng cầu đường.

- Tiến hành đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý kỹ thuật về kiến thức quản lý kỹ thuật, kiến thức pháp luật và đặc biệt chú trọng việc cập nhật kiến thức. Phấn đấu xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế và công nhân lành nghề có trình độ kỹ năng chuyên sâu có khả năng nắm bắt các thao tác, vận hành máy móc thiết bị và các ứng dụng mới. Đội ngũ kỹ sư của Công ty sử dụng thành thạo vẽ kỹ thuật trên máy vi tính nên việc thiết kế các bản vẽ thi công hay thiết kế tổ chức thi công các công trình được nhanh chóng; thuận lợi, đáp ứng yêu cầu cao về kỹ thuật.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Căn cứ Quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, về kết cấu hạ tầng như sau

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đến năm 2020: hoàn thành cải tạo, nâng cấp mạng đường sắt hiện có đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I, hoàn thành kết nối đường sắt với các cảng biển quốc tế nhà máy khu kinh tế, khu mỏ và các trung tâm du lịch lớn...; phấn đấu hoàn thành xây dựng mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Đồng Đăng - Hà Nội; nhanh chóng phát triển giao thông vận tải đường sắt tại các đô thị, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh; ưu tiên xây dựng trước một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; từng bước cải tạo mở rộng các khu đoạn đường sắt đơn hiện có thành đường đôi điện khí hoá và mở rộng các tuyến đường sắt đô thị đáp ứng nhu cầu vận tải nội - ngoại ô cũng như các vùng đô thị lớn.

+ Đến năm 2030: hoàn thành mạng đường sắt đô thị tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và triển khai xây dựng tại một số thành phố lớn khác; cơ bản hoàn thành mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; triển khai xây dựng mạng đường sắt Tây Nguyên, đường sắt nối các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ và đường sắt đến các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

- Quy hoạch phát triển:

+ Đến năm 2020, hoàn thành xây dựng: Cải tạo, nâng cấp các tuyến hiện có. Một số đoạn tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân, Biên Hoà - Vũng Tàu, tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt Đồng Đăng - Hà Nội, tuyến đường sắt phục vụ khai thác Bô xít (Đăk Nông - Bình Thuận), tuyến đường sắt Dĩ

An - Lộc Ninh, tuyến đường sắt Vũng Áng - Mụ Giạ, khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt, nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt Đông Hà - Lao Bảo; các tuyến đường sắt kết nối các cảng biển, các khu công nghiệp, kinh tế, hầm mỏ mới hình thành: cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong, cảng Cái Mép - Thị Vải, mỏ sắt Thạch Khê, bô xít Tây Nguyên...; mạng đường sắt đầu mối: Hà Nội (vành đai phía Đông), thành phố Hồ Chí Minh (vành đai phía Tây), Hải Phòng, Đà Nẵng, Diêu Trì; hoàn thành xây dựng một số tuyến chính đường sắt đô thị, đường sắt liên vùng vùng Thủ đô Hà Nội và vùng thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đến năm 2030, hoàn thành xây dựng: Mạng đường sắt Tây Nguyên bao gồm trục chính: Đà Nẵng - Kon Tum - Đắk Lắk - Buôn Ma Thuột - Chơn Thành - thành phố Hồ Chí Minh và các tuyến nhánh Buôn Ma Thuột - Tuy Hoà, Đắk Nông - Bình Thuận; Những đoạn tuyến còn lại trong mạng đường sắt cao tốc Bắc - Nam; Mạng đường sắt đô thị tại thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; Hành lang đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hạ Long - Móng Cái; Các tuyến Lạng Sơn - Quảng Ninh (Mũi Chùa), Nam Định - Thịnh Long, Mỹ Lý - Tân Kỳ...

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của công ty.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

1.1. Tổng quan:

Năm 2017, Công ty Cổ phần đường sắt Quảng Nam – Đà Nẵng triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức; đặc biệt việc cạnh tranh thị phần giữa các phương thức vận tải đường hàng không, đường bộ, đường sắt ngày càng gay gắt; thị phần vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường sắt ngày được nâng lên, đặc biệt trong năm 2017 sự cố thiên tai, thời tiết diễn biến phức tạp trên tuyến đường sắt Thông nhất, chất lượng phục vụ khách hàng, chủ hàng được cải thiện, tư duy phục vụ có thay đổi; sự trỗi dậy, bức phá của hàng không, đường bộ, đường thủy. Do đó thị phần vận tải của Ngành đường sắt chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong vận tải hàng hóa, hành khách của đất nước, nhiều đơn vị trong ngành đường sắt không có việc làm, không có tiền để trả lương cho CBCNV.

Về phía Công ty, năm 2017 là năm thứ hai chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước có nhiều thay đổi về quản trị doanh nghiệp, cơ cấu lại tổ chức với rất nhiều khó khăn của đất nước và của ngành đường sắt. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Đường

sắt QNĐN với sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban điều hành Công ty và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể CBCNV, đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất đã thông qua.

1.2. Những kết quả đạt được:

Năm 2017 được nhận định là năm bản lề nền móng, những thành tựu và kết quả đạt được chính là sự nỗ lực của trí tuệ và sức mạnh của tập thể, đặt nền móng vững chắc cho chặng đường phát triển những năm tiếp theo. Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2017 như sau: mặc dù trong bối cảnh chung hết sức khó khăn của nền kinh tế và các doanh nghiệp làm công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, nhưng với những giải pháp đúng đắn Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017. Bên cạnh việc luôn đảm bảo ATCT, giữ vững và nâng cao chất lượng duy tu bảo dưỡng cầu đường luôn đứng từ thứ 4 → 6 toàn ngành về chất lượng cầu đường, Công ty đã chủ động đẩy mạnh tìm kiếm ký kết thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt để tăng doanh thu, lợi nhuận, thu nhập cho CBCNV, cụ thể:

- Doanh thu đạt: 112.940 triệu đồng đạt 93% so với nghị quyết và đạt 98% so với năm 2016.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 1.813 triệu đồng đạt 100%, tăng 5% so với năm 2016.
- Thu nhập bình quân đạt 7.082.000 đồng/người/tháng tăng 10,14% so với năm 2016.
- 100% người lao động có việc làm ổn định.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai minh bạch các hoạt động SXKD trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại. Năm 2017, bên cạnh việc tiếp tục duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008.

Bộ máy kiểm soát đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm soát, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động SXKD của Công ty.

1.3.Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2017, HĐQT đánh giá công ty vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể như sau: việc thanh quyết toán các công trình và thu hồi công nợ còn chậm, việc tìm kiếm công trình ngoài chưa được nhiều.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban giám đốc Công ty được giao quản lý, phụ trách các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty; các Đội DTCĐ, Phân đoạn Hải Vân, Xí nghiệp đã chỉ đạo hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2017 của các đơn vị, đóng góp vào việc hoàn thành kế hoạch chung của Công ty năm 2017 đã đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Theo nhận định của nhiều tổ chức và chuyên gia kinh tế, triển vọng của nền kinh tế Việt Nam năm 2018 được dự báo tăng trưởng cao hơn năm 2017, tuy nhiên nền kinh tế của chúng ta vẫn còn đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, bên cạnh việc thực hiện mục tiêu ổn định kinh

tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, chúng ta cần phải duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức hợp lý. Vấn đề nợ xấu, hàng tồn kho, đình đốn sản xuất... vẫn tiếp tục là những khó khăn phải đối mặt. Năm 2018, cũng sẽ là năm thực sự khó khăn và thách thức với công ty nói riêng và ngành đường sắt nói chung, khi mà ngành đường sắt đang tiếp tục tái cơ cấu, thay đổi cơ cấu tổ chức cấp Tổng công ty, tiếp tục thoái vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, chưa có nhà đầu tư chiến lược, có uy tín đầu tư vào đường sắt, thị phần vận tải hành hóa, hành khách của ngành đường sắt đang giảm sút. Trước những khó khăn thách thức đó, HĐQT sẽ cùng với Ban điều hành công ty và tập thể CBCNV nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các chỉ tiêu của năm 2018, cụ thể:

Dự kiến kế hoạch SXKD năm 2018 như sau:

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
1	Sản lượng:	124.234	136.657
2	Doanh thu:	112.940	124.233
3	Chi phí:	110.370	121.586
4	Lợi nhuận trước thuế	2.570	2.647
5	Lợi nhuận sau thuế	1.813	2.117
6	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	11,49	13,42
7	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	7,3%	7,7%

- Giữ vững chất lượng cầu đường, đảm bảo an toàn chạy tàu, không có tai nạn chạy tàu do chủ quan gây ra.
- Sản lượng, doanh thu tăng 10%.
- Lợi nhuận tăng từ 3% .
- Thu nhập tăng 10%.
- Đảm bảo 100% người lao động có việc làm ổn định.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ.
- Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp theo lộ trình Tổng công ty ĐSVN.

V. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Thực hiện quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT. Trong năm 2017 HĐQT đã tổ chức 29 cuộc họp HĐQT và HĐQT mở rộng với sự tham gia của các cán bộ chủ chốt Công ty: Ban Giám đốc, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các

trưởng phó phòng ban nghiệp vụ; 01 lần họp bằng hình thức lấy phiếu biểu quyết xin ý kiến cổ đông, ban hành 30 nghị quyết, 17 quyết định, chỉ đạo xây dựng, thông qua nhiều quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 và những năm tiếp theo. Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất tại cuộc họp là định hướng quan trọng để Ban điều hành công ty tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty. Ngoài các cuộc họp nêu trên HĐQT đã thông qua các quyết định theo hình thức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, đồng thời chỉ đạo, quản lý giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, HĐQT đã chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2017 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.

Việc công bố thông tin theo quy định cũng đã được HĐQT đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra thường xuyên, đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ.

*** Công tác giám sát đối với Giám đốc công ty:**

Các Nghị quyết của HĐQT giao cho giám đốc thực hiện đều được HĐQT đôn đốc, kiểm tra. HĐQT đã có các cuộc họp cùng với Ban giám đốc xây dựng, điều hành các chỉ tiêu sản xuất cho phù hợp với tình hình từng giai đoạn.

Mối quan hệ quản trị và điều hành Công ty giữa HĐQT và Giám đốc công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các quy chế về quản trị công ty.

Hằng quý, Giám đốc công ty đều gửi báo cáo tài chính cho HĐQT. HĐQT cũng thường xuyên chỉ đạo Giám đốc thực hiện công tác kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính theo quy định, phục vụ kịp thời cho các quyết định Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

*** Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý:**

Nhìn chung các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm trong công việc đã tham mưu cho Giám đốc kịp thời và hiệu quả.

*** Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp, đưa ra những ý kiến khách quan góp phần vào định hướng phát triển của Công ty. Giám sát các hoạt động của Công ty và Ban điều hành công ty.

*** Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:**

Công ty không có tiểu ban.

2. Ban kiểm soát:

2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Đầu năm 2017, căn cứ Điều lệ Công ty, căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, căn cứ

đặc điểm tình hình của Công ty, Ban kiểm soát lập chương trình kiểm soát năm 2017. Ban kiểm soát triển khai thực hiện nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2017 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2017 theo các nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017.

2. Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo quý, 6 tháng và Báo cáo tài chính của Công ty năm 2017 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc.

Trong năm 2017 Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm soát như quy chế đã quy định, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2017.

Trong Quý 3/2017, Ban kiểm soát có sự thay đổi về nhân sự: miễn nhiệm 1 KSV và bầu bổ sung KSV mới cho nhiệm kỳ 2017-2021.

Ngoài ra, Trưởng BKS được tham dự các cuộc họp của HĐQT.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Giám đốc cũng như các phòng ban nghiệp vụ để BKS thực hiện nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

2.2. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban giám đốc:

**** Hội đồng quản trị:***

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 29 cuộc họp, ban hành 30 nghị quyết, 17 quyết định liên quan trực tiếp đến việc sắp xếp, luân chuyển cán bộ các phòng ban, bãi miễn KSV và bầu bổ sung KSV mới cho nhiệm kỳ 2017-2021, việc sử dụng nguồn khấu hao TSCĐ 2017 và các quyết định phê duyệt lựa chọn nhà thầu cho dự án đầu tư.

Về thẩm định báo cáo đánh giá công tác hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát có ý kiến như sau:

Trong năm qua, HĐQT đã tích cực triển khai nhiều nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. Hằng quý HĐQT họp theo định kỳ, kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác quý trước và đề ra chương trình của quý sau, trong năm HĐQT còn có nhiều cuộc họp đột xuất . Các nội dung cuộc họp của HĐQT được thể hiện đầy đủ trong Biên bản cuộc họp và có Nghị quyết,

Quyết định của HĐQT giao cho Giám đốc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, HĐQT kiểm tra giám sát, đôn đốc thực hiện.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2017 về các mặt của Công ty, trong đó nêu rõ những khó khăn tác động trong năm, những kết quả, tiến bộ đạt được, đồng thời nêu rõ những vấn đề còn tồn tại chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm 2018.

**** Ban Giám đốc và cán bộ quản lý:***

Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả tương đối ổn định và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

Giám đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT giao. Giám đốc họp Ban điều hành bàn bạc, thống nhất phân công, chỉ đạo các phòng ban, đơn vị trực thuộc triển khai cụ thể các nội dung Nghị quyết, Quyết định của HĐQT giao.

Nhìn chung các cán bộ quản lý đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm.

VI. Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng do cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 3 là 15.775.000.000 VND.

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dây truyền tải điện và trạm biến áp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Văn Tỷ	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Bình	Thành viên HĐQT
Ông Huỳnh Văn Sơn	Thành viên HĐQT
Ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đỗ Quốc Khanh	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Võ Thị Hồng Linh	Thành viên Ban kiểm soát
Ban điều hành, quản lý	
Ông Nguyễn Xuân Bình	Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sơn	Phó Giám đốc
Ông Kiều Thường	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Việt	Phó Giám đốc
Bà Phan Thị Lan Hương	Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Xuân Bình - Giám đốc.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2018

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

PKF
Accountants & business advisers

Số: 209/2018/BCKT-PB.00013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được lập ngày 24 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ha Noi City Office * Tel: +84 43 200 2016 * Fax: + 84 43 795 0832 * Email: pkf.afcpb@pkf.afcvietnam.vn
709, Sunrise Building * D11, Tran Thai Tong Street * Dich Vong Hau Ward * Cau Giay District * Hanoi * Website: pkf.afcvietnam.vn
PKF – AFC Vietnam Auditing Co., Ltd. is a member firm of the PKF International Limited family of legally independent firms and does not accept any responsibility or liability for the actions or inactions of any individual member firm or firms.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phạm Tuấn Vũ

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2030-2018-009-1

Lê Việt Cường

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2017	01/01/2017
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**48.124.974.689**	**67.752.774.788**
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**1.563.184.412**	**16.815.865.164**
1. Tiền	111		1.563.184.412	16.815.865.164
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**33.449.983.637**	**29.115.066.475**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	30.538.965.400	25.738.583.678
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.800.000	25.800.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.055.284.175	3.350.682.797
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(170.065.938)	-
IV/ Hàng tồn kho	**140**	**5.5**	**12.447.332.166**	**20.959.866.017**
1. Hàng tồn kho	141		12.447.332.166	20.959.866.017
V/ Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**664.474.474**	**861.977.132**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	30.895.545	230.369.863
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	633.578.929	631.607.269
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**9.293.661.890**	**10.407.809.226**
I/ Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II/ Tài sản cố định	**220**		**6.680.647.225**	**8.006.091.861**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	6.387.458.486	7.706.367.122
- Nguyên giá	222		22.623.314.969	22.291.678.605
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(16.235.856.483)	(14.585.291.483)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	293.188.739	299.704.739
- Nguyên giá	228		325.825.000	325.825.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(32.636.261)	(26.120.261)
III/ Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**1.641.308.168**	**458.304.371**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.5	690.887.305	441.201.703
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	950.420.863	17.102.668
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	**260**		**971.706.497**	**1.943.412.994**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	971.706.497	1.943.412.994
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**57.418.636.579**	**78.160.584.014**

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2017	01/01/2017
C/ NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**39.658.657.371**	**60.665.070.982**
I/ Nợ ngắn hạn	**310**		**34.616.436.357**	**41.622.849.968**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	21.916.070.960	25.035.488.316
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.296.000	139.460.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	2.021.845.195	2.815.752.428
4. Phải trả người lao động	314		4.596.866.722	248.612.725
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	217.441.521	217.636.289
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	2.831.888.691	7.258.233.181
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	2.200.000.000	5.109.301.493
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		812.027.268	798.385.536
II/ Nợ dài hạn	**330**		**5.042.221.014**	**19.042.221.014**
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	5.042.221.014	19.042.221.014
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**17.759.979.208**	**17.495.513.032**
I/ Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.15**	**17.759.979.208**	**17.495.513.032**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.775.000.000	15.775.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.775.000.000	15.775.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		172.051.300	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.812.927.908	1.720.513.032
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.812.927.908	1.720.513.032
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**57.418.636.579**	**78.160.584.014**

Nguyễn Xuân Bình	**Phan Thị Lan Hương**	**Nguyễn Thị Thanh Vịnh**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	111.993.193.682	114.689.181.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		**111.993.193.682**	**114.689.181.831**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	96.494.886.717	100.372.749.870
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**15.498.306.965**	**14.316.431.961**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	161.137.502	71.375.361
7. Chi phí tài chính	22	6.4	87.932.418	257.848.186
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*87.932.418*	*257.848.186*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	13.191.608.488	11.944.909.680
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**2.379.903.561**	**2.185.049.456**
11. Thu nhập khác	31	6.6	785.417.608	674.817.568
12. Chi phí khác	32	6.7	595.175.854	653.871.121
13. Lợi nhuận khác	40		**190.241.754**	**20.946.447**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**2.570.145.315**	**2.205.995.903**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	757.217.407	485.482.871
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		**1.812.927.908**	**1.720.513.032**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	877	809
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	877	809

Nguyễn Xuân Bình	**Phan Thị Lan Hương**	**Nguyễn Thị Thanh Vịnh**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	MS	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***2.570.145.315***	***2.205.995.903***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.657.081.000	1.845.220.000
-	Các khoản dự phòng	03	170.065.938	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(161.137.502)	(71.375.361)
-	Chi phí lãi vay	06	87.932.418	257.848.186
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***4.324.087.169***	***4.037.688.728***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.003.011.440)	4.495.030.603
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	8.262.848.249	8.583.634.695
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(17.733.517.789)	700.241.561
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.171.180.815	1.059.295.509
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(71.537.897)	(231.588.897)
-	Thuế TNCN đã nộp	15	(661.990.251)	(270.171.359)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	5.862.958.441
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(432.206.522)	(10.745.205.441)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(10.144.147.666)**	**13.491.783.840**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.259.936.195)	
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	161.137.502	70.266.843
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(1.098.798.693)**	**70.266.843**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	13.055.643.988	21.788.015.793
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(15.964.945.481)	(26.070.361.200)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.100.432.900)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(4.009.734.393)**	**(4.282.345.407)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(15.252.680.752)**	**9.279.705.276**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**16.815.865.164**	**7.536.159.888**
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**1.563.184.412**	**16.815.865.164**

Nguyễn Xuân Bình	**Phan Thị Lan Hương**	**Nguyễn Thị Thanh Vịnh**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng do cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải, là công ty con thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Ngày 04/01/2016, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp

Trụ sở chính của Công ty tại số 196, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 3 là 15.775.000.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ, xây lắp

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Quản lý, bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng đường sắt
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình giao thông đường sắt, đường bộ, công trình thủy lợi, công trình dây truyền tải điện và trạm biến áp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2017, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty

1.6 Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Xây dựng Công trình và Kinh doanh Dịch vụ	Số 196, đường Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

1.7 Nhân viên

Số lao động thực tế tại ngày kết thúc năm tài chính là 588 người. Số lao động bình quân trong năm là 618 người.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	08
Thiết bị văn phòng	03 - 08

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản vô hình là quyền sử dụng đất nhà Cung Cấu Đà Nẵng được trích khấu hao theo thời gian sử dụng là 50 năm.

4.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014 được phê duyệt theo Quyết định số 2351/QĐ-BGTVT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm, bắt đầu từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 04/01/2016).

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.14 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.15 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 *VND*	01/01/2017 *VND*
Tiền mặt	65.791.394	178.696.787
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.497.393.018	16.637.168.377
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sông Hàn	*195.154.153*	*133.382.063*
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	*1.302.238.865*	*16.503.786.314*
Cộng	**1.563.184.412**	**16.815.865.164**

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.2 Phải thu khách hàng

5.2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	11.897.597.200	-	16.344.654.847	-
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2	6.432.866.300	-	280.500.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.208.501.900	(144.265.938)	9.113.428.831	-
Cộng	**30.538.965.400**	**(144.265.938)**	**25.738.583.678**	**-**

5.2.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	11.897.597.200	-	16.344.654.847	-
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	-	-	51.077.000	-
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	652.643.000	-	986.229.000	-
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2	6.432.866.300	-	280.500.000	-
Cộng	**18.983.106.500**	**-**	**17.662.460.847**	**-**

5.3 Phải thu khác

5.3.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*	Giá trị *VND*	Dự phòng *VND*
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	500.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	781.352.900	-	1.326.632.218	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	68.351.000	-	56.366.700	-
Chi phí vật tư thu hồi	1.801.560.000		1.033.985.198	
Phải thu bồi thường tai nạn trật bánh	340.647.060		340.647.060	-
Phải thu khác	63.373.215	-	93.051.621	-
Cộng	**3.055.284.175**	**-**	**3.350.682.797**	**-**

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Nợ phải thu khó đòi

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Trọng Hoàng	55.050.000	-	-	-
Công ty Sông Thu	25.506.175	-	-	-
Công ty CPXD Công trình và Đầu tư 120	61.340.000	18.402.000	-	-
Công ty TNHH Weixernsin Phạm Sư Mạnh ĐN 894	20.771.763	-	-	-
Công ty Tân Hữu Phú	25.800.000	-	-	-
Cộng	**188.467.938**	**18.402.000**	-	-

5.5 Hàng tồn kho

5.5.1 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.127.683.548	-	7.451.392.733	-
Công cụ, dụng cụ	1.250.895.087	-	1.371.153.424	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.068.753.531	-	12.137.319.860	-
Cộng	**12.447.332.166**	-	**20.959.866.017**	-

5.5.2 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
CT tháo dỡ lắp đặt 4 bộ ghi Nông Sơn km 813+630	369.540.853	369.540.853
CT vận chuyển vật tư lên đèo	-	71.660.850
CT thi công lắp đặt ống cống km 864+345	153.467.448	-
CT phòng vệ chân Van Tường	167.879.004	
Cộng	**690.887.305**	**441.201.703**

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6 Chi phí trả trước

5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 *VND*	01/01/2017 *VND*
Chi phí sửa chữa dây nhà Kiốt	-	202.925.000
Chi phí mua bảo hiểm xe cơ giới	23.524.945	21.417.363
Các khoản khác	7.370.600	6.027.500
Cộng	**30.895.545**	**230.369.863**

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 *VND*	01/01/2017 *VND*
Lợi thế kinh doanh	971.706.497	1.943.412.994
Cộng	**971.706.497**	**1.943.412.994**

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017 *VND*	01/01/2017 *VND*
Xây dựng cơ bản	**950.420.863**	**17.102.668**
Nhà làm việc cung đường Thanh Khê	950.420.863	17.102.668
Cộng	**950.420.863**	**17.102.668**

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất *VND*	Tổng cộng *VND*
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2017	**325.825.000**	**325.825.000**
Số dư tại 31/12/2017	**325.825.000**	**325.825.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2017	**26.120.261**	**26.120.261**
Khấu hao trong năm	6.516.000	6.516.000
Số dư tại 31/12/2017	**32.636.261**	**32.636.261**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2017	**299.704.739**	**299.704.739**
Số dư tại 31/12/2017	**293.188.739**	**293.188.739**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc *VND*	Máy móc, thiết bị *VND*	Phương tiện vận tải, truyền dẫn *VND*	Thiết bị, dụng cụ quản lý *VND*	Tổng cộng *VND*
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	8.925.765.268	7.454.851.996	5.812.443.159	98.618.182	22.291.678.605
Mua trong kỳ	-	-	-	331.636.364	331.636.364
Số dư tại 31/12/2017	8.925.765.268	7.454.851.996	5.812.443.159	430.254.546	22.623.314.969
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư tại 01/01/2017	5.602.480.988	4.410.995.048	4.492.274.376	79.541.071	14.585.291.483
Khấu hao trong năm	608.964.000	632.112.000	379.924.000	29.565.000	1.650.565.000
Số dư tại 31/12/2017	6.211.444.988	5.043.107.048	4.872.198.376	109.106.071	16.235.856.483
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2017	3.323.284.280	3.043.856.948	1.320.168.783	19.077.111	7.706.387.122
Số dư tại 31/12/2017	2.714.320.280	2.411.744.948	940.244.783	321.148.475	6.387.458.486

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 0 đồng
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay 0 đồng

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.10 Phải trả người bán

5.10.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Công ty CP Vật tư đường sắt Đà Nẵng	5.088.278.697	5.088.278.697	8.327.207.835	8.327.207.835
Công ty CP Cơ khí Đường sắt Đà Nẵng	3.026.284.435	3.026.284.435	2.599.174.455	2.599.174.455
Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	3.562.389.600	3.562.389.600	-	-
Công ty CP Tổng Công ty Công trình đường sắt	3.243.240.000	3.243.240.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	6.995.878.228	6.995.878.228	14.109.106.026	14.109.106.026
Cộng	**21.916.070.960**	**21.916.070.960**	**25.035.488.316**	**25.035.488.316**

5.10.2 Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm - Xí nghiệp Cao su đường sắt	224.729.200	224.729.200	424.729.200	424.729.200
Trung tâm Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ Đường sắt Đà Nẵng	165.995.000	165.995.000	207.090.000	207.090.000
CN Công ty CP XNK VTTBĐS - XN Cơ khí Đông Anh	-	-	529.675.643	529.675.643
CN Công ty CP XNK VTTBĐS - XN Vật tư tổng hợp Vinh	482.634.494	482.634.494	1.782.634.494	1.782.634.494
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.102.782.981	1.102.782.981	-	-
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	7.388.000	7.388.000	6.845.000	6.845.000
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	-	-	568.353.000	568.353.000
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	631.118.000	631.118.000	1.531.118.000	1.531.118.000
Cộng	**2.614.647.675**	**2.614.647.675**	**5.050.445.337**	**5.050.445.337**

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Thuế giá trị gia tăng	-	1.498.976.432	12.125.929.834	11.239.650.947	-	2.385.255.319
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	522.868.763	661.990.251	757.217.407	-	427.641.607
Thuế thu nhập cá nhân	1.971.660	-	71.152.627	66.325.465	-	2.855.502
Các loại thuế khác	-	-	419.876.262	419.876.262	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	631.607.269	-	11.847.022.733	11.847.022.733	631.607.269	-
Cộng	**633.578.929**	**2.021.845.195**	**25.125.971.707**	**24.330.092.814**	**631.607.269**	**2.815.752.428**

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

5.12.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Đà Nẵng (i)	2.200.000.000	2.200.000.000	13.055.643.988	15.964.945.481	5.109.301.493	5.109.301.493
Cộng	**2.200.000.000**	**2.200.000.000**	**13.055.643.988**	**15.964.945.481**	**5.109.301.493**	**5.109.301.493**

(i) Thông tin chi tiết khoản vay

Hợp đồng vay số 01/2016-HĐTDHM/NHCT480-DUONGSATQNDN ngày 05/05/2016

- Hạn mức khoản vay 15.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức từ 29/04/2016 đến 29/04/2017, thời hạn vay của từng khoản tối đa 06 tháng;
- Mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Lãi suất từ 8%-9%/năm;

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hợp đồng vay số 01/2017-HĐTDHM/NHCT480-DUONGSATQNDN ngày tháng 05/2017

- Hạn mức khoản vay 15.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 21/04/2018, thời hạn vay của từng khoản tối đa 06 tháng;
- Mục đích sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Lãi suất 8%/năm;

Biện pháp bảo đảm:

- Thế chấp toàn bộ hàng tồn kho, các quyền và lợi ích phát sinh theo hợp đồng thế chấp số 01/2016-HĐTC/NHCT480-DUONG SAT QNDN ngày 05/05/2016
- Thế chấp quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua/bán hàng theo hợp đồng thế chấp số 02/2016-HĐTC/NHCT480-DUONG SAT QNDN ngày 05/05/2016

5.13 Chi phí phải trả

5.13.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 *VND*	01/01/2017 *VND*
Chi phí lãi tiền vay	16.394.521	26.259.289
Chi phí tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng hiện vật, vệ sinh lao động	201.047.000	191.377.000
Cộng	**217.441.521**	**217.636.289**

5.14 Phải trả khác

5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị *VND*	Số có khả năng trả nợ *VND*	Giá trị *VND*	Số có khả năng trả nợ *VND*
Kinh phí công đoàn	154.142.000	154.142.000	158.802.000	158.802.000
Bảo hiểm xã hội	233.498.041	233.498.041	1.416.859.632	1.416.859.632
Bảo hiểm y tế	32.874.066	32.874.066	251.102.888	251.102.888
Bảo hiểm thất nghiệp	10.510.332	10.510.332	98.001.969	98.001.969
Phải trả về cổ phần hóa	-	-	802.609.117	802.609.117
Phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.986.299.692	1.986.299.692	4.185.486.575	4.185.486.575
Chi phí vật tư thu hồi	408.775.800	408.775.800	345.371.000	345.371.000
Cổ tức phải trả năm 2016	3.817.100	3.817.100	-	-
Phải trả khác	1.971.660	1.971.660	-	-
Cộng	**2.831.888.691**	**2.831.888.691**	**7.258.233.181**	**7.258.233.181**

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Phải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Tiền ray Áo	5.042.221.014	5.042.221.014	19.042.221.014	19.042.221.014
Cộng	**5.042.221.014**	**5.042.221.014**	**19.042.221.014**	**19.042.221.014**

5.14.3 Phải trả khác cho các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	7.028.520.706	7.028.520.706	23.227.707.589	23.227.707.589
Cộng	**7.028.520.706**	**7.028.520.706**	**23.227.707.589**	**23.227.707.589**

5.15 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Số dư tại 04/01/2016	**7.624.387.663**	**6.114.881.291**	-	-	**13.739.268.954**
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.720.513.032	1.720.513.032
Tăng khác (i)	8.150.612.337		-	-	8.150.612.337
Giảm khác (i)		(6.114.881.291)	-	-	(6.114.881.291)
Số dư tại 31/12/2016	**15.775.000.000**	-	-	**1.720.513.032**	**17.495.513.032**
Số dư tại 01/01/2017	**15.775.000.000**	-	-	**1.720.513.032**	**17.495.513.032**
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.812.927.908	1.812.927.908
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	172.051.300	(1.720.513.032)	(1.548.461.732)
Số dư tại 31/12/2017	**15.775.000.000**	-	**172.051.300**	**1.812.927.908**	**17.759.979.208**

(i) Kết chuyển số chênh lệch đánh giá lại tài sản sang nguồn vốn kinh doanh tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, và tiền thu từ phát hành thêm cổ phần để tăng vốn kinh doanh

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 13/04/2017

	Số tiền
	VND
Chia cổ tức bằng tiền 7% vốn điều lệ	1.104.250.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	444.211.732
Trích quỹ đầu tư phát triển	172.051.300
	1.720.513.032

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	804.525	8.045.250.000	51%	804.525	8.045.250.000	51%
Vốn góp của cổ đông khác	772.975	7.729.750.000	49%	772.975	7.729.750.000	49%
Cộng	**1.577.500**	**15.775.000.000**	**100%**	**1.577.500**	**15.775.000.000**	**100%**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2017 VND	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	15.775.000.000	7.624.387.663
Vốn góp tăng trong năm	-	8.150.612.337
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.775.000.000	15.775.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	**1.104.250.000**	-

Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**1.577.500**	**1.577.500**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**1.577.500**	**1.577.500**
Cổ phiếu phổ thông	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**1.577.500**	**1.577.500**
Cổ phiếu phổ thông	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

5.16.1 Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	31/12/2017 Giá trị VND	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty ĐT&XD đô thị Quảng Nam	27.374.000	đã ngưng hoạt động
Công ty ĐT&XD C"N thuộc Bộ xây dựng	89.379.000	đã ngưng hoạt động
Công ty thi công cơ giới - TCT XD số 1	35.000.080	đã giải thể
Cộng	**151.753.080**	

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	*VND*
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	94.815.602.727	99.973.543.634
Doanh thu hoạt động khác	17.177.590.955	14.715.638.197
Cộng	**111.993.193.682**	**114.689.181.831**

6.1.2 Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	*VND*
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	94.815.602.727	106.541.555.452
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	254.276.364	228.251.818
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	593.311.818	896.571.818
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2	10.205.806.636	-
Cộng	**105.868.997.545**	**107.666.379.088**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	*VND*
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên KCHTĐS	78.285.567.975	84.172.644.325
Giá vốn hoạt động khác	18.209.318.742	16.200.105.545
Cộng	**96.494.886.717**	**100.372.749.870**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	*VND*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	161.137.502	71.375.361
	161.137.502	**71.375.361**

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	*VND*
Lãi tiền vay	87.932.418	257.848.186
Cộng	**87.932.418**	**257.848.186**

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	*VND*
Chi phí nhân viên quản lý	6.339.879.729	6.187.946.999
Chi phí vật liệu quản lý	-	2.712.241
Chi phí đồ dùng văn phòng	15.504.455	244.258.784
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.565.000	17.722.000
Thuế, phí và lệ phí	1.964.529.550	1.220.086.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	454.358.608	425.516.465
Chi phí bằng tiền khác	4.387.771.146	3.846.666.408
Cộng	**13.191.608.488**	**11.944.909.680**

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	*VND*
Thu từ nhượng bán vật tư	87.321.063	-
Thu từ các dịch vụ khác	698.096.545	513.180.909
Các khoản khác	-	161.636.659
Cộng	**785.417.608**	**674.817.568**

6.7 Chi phí khác

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	*VND*
Chi nhượng bán vật tư	79.972.775	-
Chi các dịch vụ khác	410.185.357	324.155.398
Tiền truy thu, chậm nộp thuế	17.972.722	217.719.723
Các khoản nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước	87.045.000	-
Các khoản khác	-	111.996.000
Cộng	**595.175.854**	**653.871.121**

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2017 VND	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.570.145.315**	**2.205.995.903**
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	**301.750.500**	**221.418.073**
Các khoản điều chỉnh tăng	301.750.500	221.418.073
Các khoản chi phí không được trừ	*105.017.722*	*221.418.073*
Các khoản tăng khác	*196.732.778*	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	**2.871.895.815**	**2.427.413.976**
Thuế suất thuế TNDN	**20%**	**20%**
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	**574.379.163**	**485.482.871**
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	182.838.244	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**757.217.407**	**485.482.871**

6.9 Lãi trên cổ phiếu

6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.812.927.908	1.720.513.032
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	1.812.927.908	1.720.513.032
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(429.945.000)	(444.211.732)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.577.500	1.577.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**877**	**809**

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.9.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	*VND*
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.812.927.908	1.720.513.032
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	1.812.927.908	1.720.513.032
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(429.945.000)	(444.211.732)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.577.500	1.577.500
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**877**	**809**

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi giai đoạn từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 dùng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được điều chỉnh theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 13/04/2017

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Từ 04/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	*VND*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.715.140.220	34.963.063.334
Chi phí nhân công	63.322.090.159	60.250.230.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.657.081.000	1.645.220.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.188.455.895	1.068.520.321
Chi phí khác bằng tiền	10.156.708.096	10.916.766.333
Cộng	**104.039.475.370**	**108.843.800.031**

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản công nợ tiềm tàng
Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán
Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.3 Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.563.184.412	-	16.815.865.164	
Phải thu khách hàng	30.538.965.400	(144.265.938)	25.738.583.678	
Phải thu khác	3.055.284.175	-	3.350.682.797	
	35.157.433.987	**(144.265.938)**	**45.905.131.639**	-

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.200.000.000	5.109.301.493
Phải trả người bán	21.916.070.960	25.035.488.316
Chi phí phải trả	217.441.521	217.636.289
Phải trả khác	7.874.109.705	26.300.454.195
	32.207.622.186	**56.662.880.293**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất, giá hàng hóa và giá cổ phiếu.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể:

	Từ 1 năm trở xuống *VND*	Trên 1 năm đến 5 năm *VND*	Trên 5 năm *VND*	Cộng *VND*
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.563.184.412	-	-	1.563.184.412
Phải thu khách hàng	30.394.699.462	-	-	30.394.699.462
Phải thu khác	3.055.284.175	-	-	3.055.284.175
Cộng	**35.013.168.049**	**-**	**-**	**35.013.168.049**
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.815.865.164	-	-	16.815.865.164
Phải thu khách hàng	25.738.583.678	-	-	25.738.583.678
Phải thu khác	3.350.682.797	-	-	3.350.682.797
Cộng	**45.905.131.639**	**-**	**-**	**45.905.131.639**

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Từ 1 năm trở xuống *VND*	Trên 1 năm đến 5 năm *VND*	Trên 5 năm *VND*	Cộng *VND*
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	2.200.000.000	-	-	2.200.000.000
Phải trả người bán	21.916.070.960	-	-	21.916.070.960
Chi phí phải trả	217.441.521	-	-	217.441.521
Phải trả khác	2.831.888.691	5.042.221.014	-	7.874.109.705
Cộng	**27.165.401.172**	**5.042.221.014**	**-**	**32.207.622.186**
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	5.109.301.493	-	-	5.109.301.493
Phải trả người bán	25.035.488.316	-	-	25.035.488.316
Chi phí phải trả	217.636.289	-	-	217.636.289
Phải trả khác	7.258.233.181	19.042.221.014	-	26.300.454.195
Cộng	**37.620.659.279**	**19.042.221.014**	**-**	**56.662.880.293**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

7.4 Thông tin về các bên liên quan

7.4.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP XNK Vật tư thiết bị Đường sắt	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP Đường sắt Hà Hà	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con thuộc TCT
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	Công ty con thuộc TCT
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2	Đơn vị sự nghiệp thuộc TCT
Trung tâm Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ Đường sắt Đà Nẵng	Đơn vị sự nghiệp thuộc TCT

7.4.2 Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2017 *VND*
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	
Thu tiền cung cấp dịch vụ	108.790.763.847
Giá trị hỗ trợ cảnh giới đường ngang, đảm bảo an toàn chạy tàu	42.312.000
Chi phí thuê sử dụng tài sản năm 2016	320.791.700
Chi phí thuê sử dụng tài sản năm 2017	313.010.006
Chi phí phải trả máy dự án Pháp	468.981.275
Trả tiền thuê máy dự án năm 2016	789.366.625
Trả cổ tức năm 2016	563.157.500
Trả các khoản nợ khác	1.737.029.375
Trả nợ tiền ray Ao	14.000.000.000

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Năm 2017 *VND*
Ban Quản lý dự án Đường sắt KV2	
Thu tiền cung cấp dịch vụ	5.074.021.000
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên	
Thu tiền cung cấp dịch vụ	351.077.000
Công ty CP Đường sắt Nghĩa Bình	
Thu tiền cung cấp dịch vụ	986.229.000
Công ty CP Đường sắt Quảng Bình - XN Sản xuất vật liệu và Xây dựng tổng hợp	
Mua tà vẹt bê tông LK-DC	261.184.000
Trả tiền mua tà vẹt bê tông LK-DC	261.184.000
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm - Xí nghiệp Cao su đường sắt	
Trả tiền mua vật tư	200.000.000
Trung tâm Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ Đường sắt Đà Nẵng	
Chi phí huấn luyện ATLĐ, VSLĐ	58.905.000
Trả tiền chi phí huấn luyện	100.000.000
CN Công ty CP XNK VTTB Đường sắt - XN Cơ khí Đông Anh	
Trả tiền mua vật tư	529.675.643
Công ty CP XNK Vật tư thiết bị Đường sắt	
Mua vật tư	20.900.000
Trả tiền mua vật tư	20.900.000
CN Công ty CP XNK VTTB Đường sắt -XN Vật tư tổng hợp Vinh	
Trả tiền mua hàng	1.300.000.000
Công ty CP Vận tải ĐS Sài Gòn- Hòa vận ga Núi Thành	
Cước vận chuyển đá	381.756.100
Trả tiền cước vận chuyển đá	381.756.100
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	
Trả tiền thuê máy	6.845.000
Chi phí thuê máy	7.388.000
Công ty CP Đường sắt Thanh Hóa	
Trả tiền thi công công trình	568.353.000
Công ty CP TTTH Đường sắt Đà Nẵng	
Trả tiền thi công công trình	900.000.000
Thu nhập của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	***1.544.800.400***

CÔNG TY CP ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
Số 196 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

7.4.3 Số dư với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các số dư với các bên liên quan như sau:

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Đường sắt Bình Trị Thiên		
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20.296.000	-

7.5 Báo cáo bộ phận

Hoạt động của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động kinh doanh bất động sản và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

7.6 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Đường sắt Quảng Nam - Đà Nẵng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc. Chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu được trình bày lại, nguyên nhân như đã nêu tại mục 6.9 - Lãi trên cổ phiếu

TT	Khoản mục	Mã số	Số theo BCKiT năm 2016	Số trình bày lại	Chênh lệch
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	700	809	109
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	700	809	109

Nguyễn Xuân Bình	**Phan Thị Lan Hương**	**Nguyễn Thị Thanh Vịnh**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 02 năm 2018

M.S.D.N: 0400259705 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Bình

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY